TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2022/DS-ST Ngày: 28-6-2022. V/v tranh chấp Đòi lại tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Thủy.

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Thông, kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 5, ngày 01, 28 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 03 năm 2022 về tranh chấp dân sự Đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Hhuyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1970;

Nơi cư trú: Huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/4/2022.

- *Bị đơn*: Chị Võ Thị Tuyết N, sinh năm: 1972;

Nơi cư trú: Huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Phan Trường P, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn chị N có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2021, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L trình bày:* Vào tháng 11/2014 chị D có cho chị N vay 05 chỉ vàng 24kra với lãi suất là 100.000đ/01chỉ/01 tháng, chị N có đóng lãi vàng được 05 tháng là 2.500.000đ, việc cho vay không có làm giấy tờ chỉ thỏa thuận miệng. Đến tháng 4/2015 chị D tiếp tục cho chị N vay số tiền 10.000.000đ, với lãi suất là 0,4%/tháng, không có làm biên nhận, chỉ thỏa thuận miệng, kể từ lúc nhận tiền đến nay chị N không có trả lãi, cũng như trả tiền gốc cho chị D.

Đến ngày 15/01/2017 chị D có gửi đơn đến Ban nhân dân ấp Bình Trung yêu cầu hòa giải tranh chấp tiền vàng vay với chị N, tại Biên bản hòa giải ngày 15/01/2017 chị N thừa nhận có nợ chị D 05 chỉ vàng 24kra và 10.000.000đ, chị N hẹn đến ngày 15/4/2017 sẽ trả cho chị D số tiền 10.000.0000đ, còn 05 chỉ vàng 24kra hẹn đến ngày 15/7/2017 sẽ trả, chị D không tính lãi. Đến thời hạn thực hiện theo nội dung cam kết trong biên bản hòa giải ngày 15/01/2017, chị D có yêu cầu chị N trả nợ theo nội dung biên bản hòa giải của BND ấp Bình Trung nhưng chị N không thực hiện và cũng không trả tiền, vàng gốc, lãi cho chị D. Năm 2018 chị D có làm đơn gửi đến UBND xã Bình Thành để hòa giải nội dung chị N nợ tiền của chị D nêu trên nhưng chị N không đến tham dự hòa giải.

Nay chị D yêu cầu chị N trả lại số vàng nợ là 05 chỉ vàng 24kra và 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn chị Võ Thị Tuyết N trình bày: Chị N và chị D có mối quan hệ bà con chú bác, chị N có vay của chị D số tiền 10.000.000đ, lãi suất 10%/tháng, mỗi tháng đóng 1000.000đ tiền lãi cho chị D, đóng lãi từ ngày 25/7/2017 đến 25/7/2019 là 03 năm, số tiền lãi đã đóng là 36.000.000đ, việc vay tiền và đóng lãi cho chị D chỉ thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng hoặc biên nhận. Do chị N bị tai nạn gảy chân nên không đi làm được, không có tiền đóng lãi cho chị D từ tháng 7/2019 đến nay. Đối với 05 chỉ vàng 24kra chị N không có vay nên không có nợ số vàng này. Vào ngày 15/01/2017 chị N có tham dự phiên hòa giải tại Ban nhân dân ấp Bình Trung và có ký tên vào biên bản hòa giải, chữ ký tên và chữ viết họ tên trong biên bản hòa giải ngày 15/01/2017 của Ban nhân dân ấp Bình Trung lập là của chị N, tuy nhiên chị N không có đọc lại biên bản và nội dung biên bản hòa giải ghi chị N còn nợ chị D 05 chỉ vàng 24kra là không có thật, chị N thừa nhận chỉ có nợ 10.000.000đ.

Nay chị N thống nhất trả lại cho chị D 10.000.000đ, không thống nhất trả lại 05 chỉ vàng 24kra theo yêu cầu của chị D.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Trường P trình bày*: Là chồng của chị Nguyễn Thị Thùy D, vào ngày 02/4/2015 chị N có đến nhà mẹ vợ là bà L gặp anh P để mượn số tiền 10.000.000đ, do anh P không có tiền mặt nên nói với bà N chạy xuống nhà anh P ở phường 11, thành phố Cao Lãnh lấy tiền đưa cho bà N mượn, do đây là tiền chung của vợ chồng nên yêu cầu bà N trả lại số tiền nợ 10.000.000đ cho vợ chồng anh P, chị D.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L trình bày: Yêu cầu chị N trả lại 10.000.000đ và 05 chỉ vàng 24kra theo biên bản hòa giải ngày 15/01/2017 của Ban nhân dân ấp Bình Trung cho vợ chồng chị D và anh P.

Tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị Tuyết N trình bày: Thống nhất chữ ký tên và chữ viết họ tên Võ Thị Tuyết N trong biên bản hòa giải ngày 15/01/2017 tại Ban nhân dân ấp Bình Trung là của chị N, nhưng nội dung biên bản chị N không thống nhất do chị N chỉ nợ 10.000.000đ, không có nợ 05 chỉ vàng. Nay chị N thống nhất trả lại cho chị Thùy D 10.000.000đ, không thống nhất trả 05 chỉ vàng 24kra và không yêu cầu giám định chữ ký tên và chữ viết họ tên trong biên bản hòa giải ngày 15/01/2017 của BND ấp Bình Trung.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy D buộc chị Võ Thị Tuyết N trả lại số tiền vay còn nợ là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và 05 (Năm) chỉ vàng 24kra cho vợ chồng anh P và chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, chị N hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp Bình Trung, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 15/01/2017 của Ban nhân dân ấp Bình Trung, chị N trình bày có mượn của chị D số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và 05 chỉ vàng 24kra và cam kết đến ngày 15/4/2017 trả 10.000.000đ, ngày 15/7/2017 trả 05 chỉ vàng 24kra cho chị D nhưng đến nay chị N không trả số tiền và vàng nợ nêu trên, nên làm phát sinh tranh chấp Đòi lại tài sản. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 15/01/2017 của Ban nhân dân ấp Bình Trung, Tranh chấp Đòi lại tài sản vào năm 2017, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Trường P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu Đòi lại tài sản:

Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 15/01/2017 của Ban nhân dân ấp Bình Trung, chị N trình bày có mượn của chị D số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và 05 (*Năm*) chỉ vàng 24kra và cam kết đến ngày 15/4/2017 trả 10.000.000đ, ngày 15/7/2017 trả 05 chỉ vàng 24kra cho chị D nhưng đến nay chị N không trả số tiền và vàng nợ nêu trên cho chị D.

Việc chị N có vay của chị D, anh P số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và 05 chỉ vàng 24kra là có thật và đã xảy ra, chị N đã nhận đủ tiền, vàng vay theo biên bản hòa giải nêu trên, chị N cam kết sẽ trả lại nhưng đến nay chị N không thực hiện đúng theo thỏa thuận nêu trên, nên chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với chị D. Vì vậy chị D khởi kiện yêu cầu chị N trả lại số tiền và nợ nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa chị N thừa nhận vào ngày 15/01/2017 có tham dự phiên hòa giải tại trụ sở Văn phòng ấp Bình Trung, chị N thống nhất chữ ký tên và chữ viết họ tên Võ Thị Tuyết N trong biên bản hòa giải ngày 15/01/2017 của Ban nhân dân ấp Bình Trung là của chị N, nhưng chị N không thống nhất nội dung biên bản hòa giải, chị N chỉ thống nhất có nợ số tiền 10.000.000đ, đối với 05 (*Năm*) chỉ vàng 24kra chị N không có nợ và cũng không có vay mượn chị D. Nay chị N thống nhất trả lại số tiền nợ 10.000.000đ và không thống nhất trả số vàng nợ là 05 chỉ vàng 24kra.

Đối với ý kiến của chị N về việc không có nợ chị D, anh P 05 (*Năm*) chỉ vàng 24kra là không có cơ sở chấp nhận, căn cứ nội dung biên bản hòa giải ghi rõ chị N còn nợ chị D 10.000.000đ và 05 chỉ vàng 24kra, ngoài ra chị N là người biết chữ, chị N thừa nhận chữ ký tên và ghi họ tên là của chị N, nên có đủ cơ sở xác định chị N còn nợ chị D, anh P 05 chỉ vàng 24kra.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D buộc chị Võ Thị Tuyết N có trách nhiệm cá nhân trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Phan Trường P số tiền còn nợ là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và 05 (*Năm*) chỉ vàng 24kra là phù hợp với quy định tại Điều 166 BLDS năm 2015.

[2.2.] Đối với số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) chị N đã đóng lãi cho chị D và chị N trình bày đã đóng lãi cho chị D 03 năm với số tiền

36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*), chị D và chị N không có ý kiến hay yêu cầu đối với số tiền lãi nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Trường P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn chị Võ Thị Tuyết N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000đ (*Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, khoản 2 Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Phan Trường P đối với chị Võ Thị Tuyết N về việc Đòi lại tài sản.

Buộc chị Võ Thị Tuyết N có trách nhiệm cá nhân trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Phan Trường P số tiền còn nợ 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và 05 (*Năm*) chỉ vàng 24kra (vàng thị trường).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn chị Võ Thị Tuyết N phải chịu 1.750.000đ (*Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Trường P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thùy D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 937.000đ *(Chín trăm*

ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số 14BE-21-0010015 ngày 22/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/6/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ